

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **327/2020/HNGĐ- ST**

Ngày 23/9/2020

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hùng
2. Ông Trần Khắc Viện

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2020/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 24/8/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm 1988.

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã P, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 vợ chồng anh chị phát sinh mâu

thuần và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Do không chịu đựng được nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hà Bảo A, sinh ngày 27/3/2010 và cháu Hà Anh K, sinh ngày 29/6/2017. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu A, còn cháu K chị nhất trí giao cháu cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 13/7/2020 anh Hà Văn T trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị H như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Khoảng tháng 08/2019 chị H đã tự ý bỏ đi về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ đó đến nay không còn đi lại, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay, chị H có đơn xin ly hôn anh nhận thấy tình cảm với chị H vẫn còn anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hà Bảo A, sinh ngày 27/3/2010 và cháu Hà Anh K, sinh ngày 29/6/2017. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn với anh, anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, còn cháu A anh nhất trí giao cháu cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hà Văn T. Giao cháu Hà Bảo A, sinh ngày 27/3/2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Hà Anh K, sinh ngày 29/6/2017 cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai

được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: giữa các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn T đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn Đ, xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị H và anh T xác định: Chị H và anh T kết hôn vào năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2018 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Chị H và anh T cũng sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Bản thân chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị H đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Bảo A và muốn giao cháu Hà Anh K cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T nhất trí với quan điểm về phần giao nuôi con chung của chị H. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 giao cháu Hà Bảo A, sinh ngày 27/3/2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Hà Anh K, sinh ngày 29/6/2017 cho anh Hà Văn T trực

tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Hà Văn T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hà Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Bảo A, sinh ngày 27/3/2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Hà Anh K, sinh ngày 29/6/2017 cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003460 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hà Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

